

- Phối hợp với Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính hướng dẫn địa phương lập kế hoạch kinh phí hàng năm cho các Cơ sở chữa bệnh. Tổng hợp kế hoạch kinh phí hàng năm;

- Thanh tra, kiểm tra tổ chức hoạt động của các Cơ sở chữa bệnh;

- Thực hiện hợp tác quốc tế trong lĩnh vực cai nghiện và chữa bệnh xã hội.

Điều 40.- Bộ Y tế có trách nhiệm:

- Hướng dẫn, chỉ đạo việc điều trị cai nghiện ma túy, chữa bệnh xã hội trong các Cơ sở chữa bệnh;

- Cử cán bộ, nhân viên của ngành tham gia chữa bệnh cho người được đưa vào Cơ sở chữa bệnh theo đề nghị của ngành Lao động - Thương binh và Xã hội;

- Quy định chế độ điều trị, cai nghiện ma túy, chữa bệnh xã hội cho người được đưa vào Cơ sở chữa bệnh;

- Nghiên cứu, xác định các loại thuốc và phương pháp chữa bệnh.

Điều 41.- Bộ Nội vụ có trách nhiệm:

- Hướng dẫn cơ quan Công an các cấp phối hợp với cơ quan Lao động - Thương binh và Xã hội, cơ quan Y tế giúp Ủy ban Nhân dân cùng cấp trong việc thu thập tài liệu để lập hồ sơ;

- Hướng dẫn việc tổ chức đưa người phải chấp hành quyết định vào Cơ sở chữa bệnh;

- Cử cán bộ, chiến sỹ của ngành tham gia bảo vệ các Cơ sở chữa bệnh theo đề nghị của ngành Lao động - Thương binh và Xã hội;

- Tổ chức đào tạo, hướng dẫn nghiệp vụ cho lực lượng bảo vệ của các Cơ sở chữa bệnh;

- Phối hợp kiểm tra việc tổ chức bảo vệ các Cơ sở chữa bệnh.

Điều 42.- Bộ Tài chính có trách nhiệm:

- Quy định chế độ cấp phát kinh phí hoạt động cho các Cơ sở chữa bệnh;

- Hướng dẫn việc cấp phát kinh phí đầy đủ và kịp thời cho các Cơ sở chữa bệnh theo kế hoạch đã được phê duyệt;

- Phối hợp kiểm tra việc sử dụng kinh phí của các Cơ sở chữa bệnh.

Điều 43.- Ủy ban Nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương có trách nhiệm:

- Phối hợp với Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội và các Bộ, ngành có liên quan trong việc tổ chức và quản lý các Cơ sở chữa bệnh tại địa phương mình;

- Có kế hoạch nắm vững tình hình chữa bệnh, học tập, lao động và sự tiến bộ của những người được đưa vào Cơ sở chữa bệnh;

- Phối hợp với Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, Bộ Nội vụ hướng dẫn, chỉ đạo Ủy ban Nhân dân cấp huyện, cấp xã kết hợp với ngành Lao động - Thương binh và Xã hội, ngành Công an có trách nhiệm tạo điều kiện chỗ ăn, ở cho những đối tượng không có nơi cư trú nhất định trong thời gian lập hồ sơ, chờ quyết định của Chủ tịch Ủy ban Nhân dân cấp tỉnh đưa vào Cơ sở chữa bệnh.

- Hướng dẫn, chỉ đạo Ủy ban Nhân dân cấp huyện và Ủy ban Nhân dân cấp xã có trách nhiệm tạo điều kiện cho những người đã chấp hành xong quyết định đưa vào Cơ sở chữa bệnh tìm kiếm việc làm, tái hòa nhập cộng đồng.

Ủy ban Nhân dân cấp huyện và Ủy ban Nhân dân cấp xã nơi cư trú của người đã chấp hành xong quyết định đưa vào Cơ sở chữa bệnh có trách nhiệm tiếp tục quản lý, giáo dục người đó, tạo điều kiện để người đó có việc làm và ổn định cuộc sống, tái hòa nhập cộng đồng.

Điều 44.- Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, Bộ Y tế, Bộ Nội vụ, Bộ Tài chính, có trách nhiệm phối hợp hướng dẫn chi tiết thi hành Quy chế này.

T.M. Chính phủ

Thủ tướng

VÕ VĂN KIẾT

NGHỊ ĐỊNH của Chính phủ số 21-CP ngày 16-4-1996 về việc sửa đổi, bổ sung Điều 5 và Điều 7 của Nghị định số 61-CP ngày 5-7-1994 của Chính phủ về mua bán và kinh doanh nhà ở.

CHÍNH PHỦ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 30 tháng 9 năm 1992;

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Xây dựng, Bộ trưởng Bộ Tài chính, Tổng Cục trưởng Tổng cục Địa chính và Trưởng ban Ban Vật giá Chính phủ,

NGHỊ ĐỊNH:

Điều 1.- Điều 5 và Điều 7 của Nghị định số 61-CP ngày 5-7-1994 của Chính phủ được sửa đổi, bổ sung như sau:

09651617 * www.ThuVienPhapLuat.com * Tel: +84-8-3845 6684

1. Điều 5 được sửa đổi, bổ sung như sau:

"Điều 5. - Nhà nước thực hiện bán nhà ở thuộc sở hữu Nhà nước cho người đang thuê phần diện tích đang được thuê để người mua nhà có điều kiện cải thiện chỗ ở, trừ các loại nhà ở sau đây:

1. Nhà ở thuộc khu vực quy hoạch xây dựng các công trình khác hoặc cải tạo thành nhà ở mới;

2. Nhà chuyên dùng đang bố trí tam làm nhà ở (khách sạn, nhà nghỉ, trường học, bệnh viện, trụ sở làm việc, kho tàng và các loại nhà chuyên dùng khác);

3. Biệt thự các loại có kế hoạch dùng làm công thự hoặc dùng vào các mục đích khác;

4. Nhà ở nhiều tầng nhiều hộ ở cấu trúc kiểu căn hộ không khép kín do Nhà nước xây dựng.

Loại nhà này chỉ được phép bán sau khi cải tạo, sửa chữa thành nhà có căn hộ khép kín bảo đảm tiện nghi sử dụng".

2. Điều 7 được sửa đổi, bổ sung như sau:

"Điều 7. - Giá bán nhà ở thuộc sở hữu Nhà nước cho người đang thuê gồm giá nhà ở và giá đất ở khi chuyển quyền sử dụng.

1. Giá nhà ở được xác định căn cứ vào giá trị còn lại của nhà ở và hệ số điều chỉnh giá trị sử dụng:

a) Giá trị còn lại của nhà ở được xác định căn cứ vào tỷ lệ chất lượng còn lại của nhà so với giá nhà ở xây dựng mới do Ủy ban Nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (sau đây gọi là cấp tỉnh) quy định trên cơ sở giá chuẩn tối thiểu nhà ở xây dựng mới do Nhà nước quy định. Tỷ lệ này được xác định cho từng diện tích nhà bán cụ thể căn cứ vào thời hạn đã sử dụng và thực trạng của nhà đó.

Bộ Xây dựng, Bộ Tài chính và Ban Vật giá Chính phủ hướng dẫn phương pháp xác định giá trị còn lại của nhà ở.

b) Hệ số điều chỉnh giá trị sử dụng:

b1) Hệ số điều chỉnh giá trị sử dụng đối với các loại nhà ở, trừ loại nhà ở quy định tại điểm b2 dưới đây, quy định như sau:

- Tầng 1 và nhà 1 tầng áp dụng hệ số 1,2
- Tầng 2 áp dụng hệ số 1,1
- Tầng 3 áp dụng hệ số 1,0
- Tầng 4 áp dụng hệ số 0,9
- Tầng 5 áp dụng hệ số 0,8
- Từ tầng 6 trở lên áp dụng hệ số 0,7.

b2) Hệ số điều chỉnh giá trị sử dụng đối với nhà ở nhiều tầng nhiều hộ ở cấu trúc kiểu căn hộ quy định như sau:

- Tầng 1 áp dụng hệ số 1,0
- Tầng 2 áp dụng hệ số 0,8
- Tầng 3 áp dụng hệ số 0,7
- Tầng 4 áp dụng hệ số 0,6
- Tầng 5 áp dụng hệ số 0,5
- Từ tầng 6 trở lên áp dụng hệ số 0,4.

c) Đối với nhà ở nhiều tầng nhiều hộ ở cấu trúc kiểu căn hộ đã bàn giao đưa vào sử dụng trước ngày 27 tháng 11 năm 1992 (ngày ban hành Quyết định số 118-TTg của Thủ tướng Chính phủ) thì Ủy ban Nhân dân cấp tỉnh được phép căn cứ vào giá trị sử dụng thực tế của từng ngôi nhà để áp dụng hệ số điều chỉnh giá nhà ở từ 1,0 đến 0,5.

2. Giá đất ở khi chuyển quyền sử dụng do Ủy ban Nhân dân cấp tỉnh quy định căn cứ vào khung giá đất do Nhà nước quy định và căn cứ vào vị trí của đất ở và tầng nhà:

a) Đối với nhà ở một tầng và nhà ở nhiều tầng một hộ ở được tính bằng 40% giá đất ở khi chuyển quyền sử dụng.

b) Đối với nhà ở nhiều tầng nhiều hộ ở được tính bằng 10% giá đất ở khi chuyển quyền sử dụng và phân bổ cho các tầng theo hệ số quy định trong bảng sau đây:

Nhà	Hệ số các tầng					
	Tầng 1	Tầng 2	Tầng 3	Tầng 4	Tầng 5	Tầng 6 trở lên
2 tầng	0,7	0,2				
3 tầng	0,7	0,2	0,1			
4 tầng	0,7	0,15	0,1	0,05		
5 tầng	0,7	0,15	0,08	0,05	0,02	0,0
trở lên						

Điều 2. - Nghị định này có hiệu lực từ ngày ký.

- Đối với các trường hợp bên thuê nhà đã mua căn hộ trong nhà ở nhiều tầng nhiều hộ ở cấu trúc kiểu căn hộ theo quy định tại Chương II của Nghị định số 61-CP của Chính phủ từ trước ngày ban hành Nghị định này thì Ủy ban Nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương xác định lại giá bán nhà ở theo quy định của Nghị định này và xử lý theo nguyên tắc sau đây:

1. Nếu bên mua đã trả hết tiền thì hoàn trả cho họ phần tiền chênh lệch giữa giá bán nhà ở xác định theo Nghị định số 61-CP và giá bán nhà ở xác định theo Nghị định này.

2. Nếu bên mua chưa trả hết tiền thì ký lại hợp đồng mua bán nhà ở theo giá bán nhà ở quy định tại Nghị định này.

- Bộ Tài chính cùng Bộ Xây dựng, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, Tổng cục Địa chính, nghiệp, cứu chỉnh sách giảm nộp tiền sử

dụng đất cho cán bộ, công nhân viên Nhà nước (kể cả các đoàn thể quần chúng và tổ chức Đảng) mua nhà ở đang thuê của Nhà nước trình Thủ tướng Chính phủ quyết định.

Điều 3.- Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban Nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương chịu trách nhiệm thi hành Nghị định này.

T.M. Chính phủ

Thủ tướng

VÕ VĂN KIẾT

NGHỊ ĐỊNH của Chính phủ số 22-CP ngày 17-4-1996 về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực thuế.

CHÍNH PHỦ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 30 tháng 9 năm 1992;

Căn cứ các Luật thuế, Pháp lệnh về thuế và quy định về các khoản thu Ngân sách Nhà nước hiện hành;

Căn cứ Pháp lệnh Xử lý vi phạm hành chính ngày 6 tháng 7 năm 1995;

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Tài chính,

NGHỊ ĐỊNH:

Chương I

HÀNH VI VI PHẠM VÀ HÌNH THỨC XỬ PHẠT VI PHẠM HÀNH CHÍNH TRONG LĨNH VỰC THUẾ

Điều 1.- Những hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực thuế nói trong Nghị định này là những hành vi vi phạm những quy định của các Luật thuế, Pháp lệnh về thuế; những quy định về lập chứng từ mua bán hàng hóa, mở và ghi sổ kế toán; những quy định về các khoản thu khác của Ngân sách Nhà nước hiện hành thuộc diện bị xử phạt hành chính, nhưng chưa đến mức truy cứu trách nhiệm hình sự.

Điều 2.- Mức xử phạt đối với những hành vi vi phạm những quy định về thủ tục kê khai đăng ký kinh doanh, mở sổ sách kế toán, lập, sử dụng và lưu giữ chứng từ, hóa đơn liên quan đến việc tính thuế, nộp thuế:

1. Phạt cảnh cáo hoặc phạt tiền từ 20.000 (hai mươi nghìn) đồng đến 200.000 (hai trăm nghìn) đồng, nếu có tình tiết tăng nặng có thể bị phạt đến 1.000.000 (một triệu) đồng đối với một trong các hành vi vi phạm sau:

a) Kê khai đăng ký về thuế với cơ quan Thuế chậm so với thời hạn quy định;

b) Khai không đủ các khoản mục quy định trong các tờ khai nộp thuế hay trong tài liệu kế toán để cung cấp cho cơ quan Thuế;

c) Thực hiện không đầy đủ chế độ lập, quản lý, sử dụng hóa đơn bán hàng theo quy định của Nhà nước.

2. Phạt tiền từ 100.000 (một trăm nghìn) đồng đến 1.000.000 (một triệu) đồng, nếu có tình tiết tăng nặng có thể phạt đến 10.000.000 (mười triệu) đồng đối với một trong các vi phạm sau:

a) Không xuất trình sổ sách kế toán, chứng từ theo yêu cầu của cơ quan Thuế;

b) Vận chuyển hàng hóa không kèm theo các hồ sơ về thuế theo quy định của pháp luật về thuế;

c) Không nộp tờ khai thuế cho cơ quan Thuế trong thời hạn quy định.

3. Phạt tiền từ 1.000.000 (một triệu) đồng đến 10.000.000 (mười triệu) đồng, nếu có tình tiết tăng nặng có thể phạt đến 20.000.000 (hai mươi triệu) đồng đối với một trong các hành vi vi phạm sau:

a) Bán hàng không lập hóa đơn để giao cho khách hàng theo đúng quy định của Nhà nước;

b) Cơ quan Thuế đã thông báo đến lần thứ hai, nhưng vẫn cố ý không nộp các tờ khai thuế, báo cáo kế toán và các giấy tờ khác cho cơ quan Thuế theo quy định của pháp luật;

c) Hủy bỏ chứng từ, sổ sách, báo cáo kế toán khi chưa hết thời hạn bảo quản và lưu giữ theo quy định của Nhà nước;

d) Sử dụng các loại hóa đơn, biên lai không phải do Bộ Tài chính phát hành hoặc không cho phép sử dụng;

e) Làm mất hóa đơn mà không khai báo kịp thời với cơ quan có trách nhiệm hoặc để người khác lợi dụng hóa đơn của mình để làm ăn phi pháp, trốn lậu thuế.

Điều 3.- Mức xử phạt đối với những hành vi khai man, trốn thuế:

Tổ chức, cá nhân có hành vi khai man, trốn thuế đã được quy định tại Luật Thuế doanh thu, Luật Thuế lợi tức, Luật Thuế tiêu thụ đặc biệt, Luật Thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu, Luật Thuế sử dụng đất nông nghiệp, Luật Thuế chuyển quyền sử dụng đất, ngoài việc phải nộp đủ số thuế theo